

Bản án số: 04/2022/HS-ST
Ngày 10/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa, Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 390/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 402/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Châu Danh N, sinh năm 2000 tại tỉnh B; thường trú: Thôn P, xã A, huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Châu Văn A, sinh năm 1960 và bà Cao Thị P, sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ con; bị cáo có 04 chị em ruột, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 22/4/2019 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B xử phạt 04 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/7/2019 (đã đóng án phí ngày 14/01/2020).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/9/2021. Có mặt;

2. Nguyễn Hữu H, sinh năm 1997 tại tỉnh Nghệ An; thường trú: Thôn L, xã Thanh L, huyện T, tỉnh N; tạm trú: 247 H, khu phố Tân T, phường T, thành phố D, tỉnh B; nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ con; bị cáo có 01 em ruột, sinh năm 1999;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ, tạm giam ngày 04/9/2021; đến ngày 13/9/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- *Bị hại:*

1. Lê Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 30/3 H, khu phố BĐ 3, phường A, thành phố D, tỉnh B. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Kha Thị Xuân H3, sinh năm 2003; địa chỉ: Số 20 đường số 5, khu phố BĐ 2, phường A, thành phố D, tỉnh B. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Phan Quốc D, sinh năm 1990; địa chỉ: 13/2/16 khu phố Đ 3, phường B, thành phố T, tỉnh B. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Châu Danh N và Nguyễn Hữu H là bạn bè quen biết với nhau. N không có nghề nghiệp ổn định và không có nơi cư trú nhất định. Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 04/9/2021, N đi bộ ở khu vực khu phố BĐ 3, phường A, thành phố D với mục đích tìm nhà dân để trộm cắp tài sản. Khi đi đến số nhà 30/3 H, khu phố BĐ 3, phường A, thành phố D, tỉnh B, N nhìn thấy nhà đã tắt đèn nên đã trèo qua hàng rào, leo lên tầng 1 và chui qua lỗ thông gió của nhà vệ sinh vào bên trong. Khi đi qua phòng ngủ, cửa phòng không khóa, N mở cửa đi vào bên trong thì nhìn thấy ông Lê Văn T đang ngủ, trên kệ tủ trang điểm bên cạnh giường ngủ có để 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu xám trắng và 01 bóp da bên trong có số tiền 10.670.000 đồng. N lấy 02 điện thoại và bóp da bỏ vào túi quần rồi trèo qua lỗ thông gió của nhà vệ sinh ra ngoài. Khi N vừa đi được khoảng 500m thì gặp 01 chốt kiểm dịch Covid nên N trèo lên mái nhà của người dân gần đó, lấy tiền và 02 điện thoại vừa chiếm đoạt để trên mái tôn và đi bộ đến chốt kiểm dịch. Lực lượng trực chốt phát hiện N có biểu hiện nghi vấn nên đưa về Công an phường A làm việc. Tại đây, N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và dẫn lực lượng Công an thu hồi tài sản gồm 01 bóp da màu nâu bên trong có 10.670.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu xám trắng, riêng điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu đen không thu hồi được. Ngày 04/9/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra lệnh bắt khẩn cấp đối với N.

Ngoài ra, N còn khai nhận: Vào khoảng 01 giờ ngày 23/8/2021, N đã đột nhập vào tầng 2 của nhà số 20 khu phố BĐ 2, phường A, thành phố D, tỉnh B, phát hiện tại phòng số 2 có chị Kha Thị Xuân H3 đang ngủ, bên cạnh có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh rêu đang sạc điện. N đi vào trong phòng dùng tay rút dây sạc và lấy điện thoại bỏ vào túi quần, đồng thời N

còn dùng điện thoại của mình chụp nhiều ảnh nhạy cảm của chị H3 trước khi thoát ra ngoài.

Ngày 24/8/2021, N sử dụng điện thoại hiệu Samsung Galaxy A3 màu đen có sim số 0988.454.046 gọi qua điện thoại hiệu Samsung Galaxy A50s màu đen có sim số 0865.093.682 của Nguyễn Hữu H để chào bán điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max. Cả hai hẹn gặp nhau ở khu vực gần quán cà phê “X” thuộc khu phố BĐ 2, phường A, thành phố D, tỉnh B. Tại đây, N nói cho H biết điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max do N chiếm đoạt của người khác và bán với giá 8.000.000 đồng. H mở máy kiểm tra nhưng không có mật khẩu nên nói với N để H mang điện thoại về nếu mở được sẽ đồng ý trả cho N số tiền như N yêu cầu. N đồng ý và gửi cho H một số tấm hình nhạy cảm của chị H3 do N chụp.

Đối với Nguyễn Hữu H sau khi mở được mật khẩu điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max đã bán lại cho anh Phan Quốc D với số tiền là 13.000.000 đồng, H trả cho N 8.000.000 đồng, còn 5.000.000 đồng H tiêu xài hết. Riêng sim điện thoại của chị H3 thì H giữ.

Ngày 04/9/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra lệnh bắt khẩn cấp đối với H.

Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu xám trắng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh rêu; 01 bóp da bên trong có 10.670.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu xám trắng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh rêu; 01 bóp da màu nâu bên ngoài có chữ Fuerdanni, bên trong có 10.670.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A3 màu đen có sim số 0988.454.046; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A50s màu đen có sim số 0865.093.682; 01 sim số 0335.036.356.

Tại bản kết luận định giá số 135/BB.ĐG ngày 06/9/2021 của Hội đồng định giá thành phố D, tỉnh B xác định: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu đen, trị giá 1.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu xám trắng, trị giá 2.800.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá số 136/BB.ĐG ngày 06/9/2021 của Hội đồng định giá thành phố D, tỉnh B xác định: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh rêu, trị giá 18.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá số 135/BB.ĐG và 136/BB.ĐG cùng ngày 06/9/2021 của Hội đồng định giá thành phố D nêu trên.

Tại cáo trạng số 09/CT - VKS – DA ngày 14 tháng 12 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh B truy tố bị cáo Châu Danh N về tội “Trộm

cấp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Hữu H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Châu Danh N mức án từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù; áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án;

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Lê Văn T đã nhận lại tài sản gồm: Số tiền 10.670.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu xám trắng. Đối với điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu đen không thu hồi được nhưng ông T không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Bị hại Kha Thị Xuân H3 đã nhận lại tài sản là điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh rêu và sim số 0335.036.356. Chị H3 không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Đối với anh Phan Quốc D mua điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh rêu của H nhưng không biết điện thoại này do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D không xử lý, anh D đã giao nộp lại điện thoại nêu trên để trả lại cho bị hại H3. Đối với số tiền 13.000.000 đồng anh D dùng để mua điện thoại thì bị cáo H đã bồi thường cho anh D. Anh D không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

Đối với điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A3 màu đen có sim số 0988.454.046 thu giữ của bị cáo N và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A50s màu đen có sim số 0865.093.682 thu giữ của bị cáo H, các bị cáo đã sử dụng điện thoại và sim số nêu trên vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước; đối với 01 bóp da màu nâu bên ngoài có chữ Fuerdanni không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng đồng thời khi nói lời sau cùng các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo Châu Danh N: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 04/9/2021, tại số nhà 30/3 H, khu phố BĐ 3, phường A, thành phố D, tỉnh B, Châu Danh N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu đen có trị giá 1.500.000; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu xám trắng có trị giá 2.800.000 đồng; 01 bóp da bên trong có 10.670.000 đồng của ông Lê Văn T. Ngoài ra, khoảng 01 giờ 00 phút ngày 23/8/2021 tại nhà số 20 khu phố BĐ 2, phường A, thành phố D, tỉnh B, Châu Danh N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh rêu có trị giá 18.000.000 của chị Kha Thị Xuân H3.

[3] Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hữu H: Căn cứ biên bản hỏi cung đối với bị cáo Châu Danh N, kết luận định giá tài sản số 136/BB.ĐG ngày 06/9/2021, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phan Quốc D, bản tự khai, biên bản ghi khai, biên bản hỏi cung bị cáo Nguyễn Hữu H thể hiện: Ngày 24/8/2021, tại khu vực gần quán cà phê “X” thuộc khu phố BĐ 2, phường A, thành phố D, tỉnh B, Châu Danh N đã chào bán cho Nguyễn Hữu H điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh rêu. H biết rõ điện thoại di động nêu trên là tài sản do Châu Danh N phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 8.000.000 đồng, sau đó H đã bán lại điện thoại trên cho anh Phan Quốc D với giá 13.000.000 đồng, H trả cho N 8.000.000 đồng còn 5.000.000 đồng H tiêu xài hết. Riêng sim điện thoại của chị H3 thì H giữ.

Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Lê Văn T và Kha Thị Xuân H3 có tổng giá trị 32.970.000 đồng của bị cáo Châu Danh N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và hành vi biết rõ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 8.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Hữu H đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: “*Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ*

10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm''.

Do đó, Cáo trạng số 09/CT-VKS - DA ngày 14/12/2021 của Viện kiểm sát thành phố D, tỉnh B truy tố đối với bị cáo N và bị cáo H cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo Châu Danh N và bị cáo Nguyễn Hữu H thực hiện tuy là ít nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 03 năm tù tuy nhiên các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm một cách cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra ngoài việc góp phần xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ, còn gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo N đã 02 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo H không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Châu Danh N: Xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Nguyễn Hữu H: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; có thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân: Bị cáo H là người lao động, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo N đã từng bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B xử phạt 04 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 41/2019/HSST ngày 20/7/2019.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại, tại cơ quan điều tra bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A3 màu đen có sim số 0988.454.046 thu giữ của bị cáo N và 01 điện thoại di

động hiệu Samsung Galaxy A50s màu đen có sim số 0865.093.682 thu giữ của bị cáo H, các bị cáo đã sử dụng điện thoại và sim số nêu trên vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước; Đối với 01 bóp da màu nâu bên ngoài có chữ Fuerdanni không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Xét bị cáo Nguyễn Hữu H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo không có tiền tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu ở trên, bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian được tại ngoại luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và địa phương nên bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt tù cho hưởng án treo giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục đối với bị cáo cũng có tác dụng giáo dục, răn đe phòng ngừa chung. Vì vậy, hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B số 217/2021/HSST-LCĐKNCT ngày 20 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Hữu H.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố D, tỉnh B về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với các bị cáo và việc xử lý vật chứng là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Châu Danh N phạm tội Trộm cắp tài sản; tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu H phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Châu Danh N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/9/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 10/01/2022).

Hủy Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B số 217/2021/HSST-LCĐKNCT ngày 20 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Hữu H.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu H cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A3 màu đen có sim số 0988.454.046 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A50s màu đen có sim số 0865.093.682;

- Tịch thu tiêu hủy 01 bóp da màu nâu bên ngoài có chữ Fuerdanni.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/12/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D với Chi cục thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh B).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Châu Danh N và Nguyễn Hữu H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố D;
- Công an thành phố D;
- Chi cục THA dân sự thành phố D;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 06 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 10 CA tỉnh BD;
- Các bị cáo; bị hại; Người có QLNVLQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thắm

- Sở tư pháp tỉnh B;
- VKS nhân dân tỉnh B;
- Lưu: VT, HS.